

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 311/2025/DS-ST

Ngày: 14/10/2025

V/v tranh chấp: "Quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Tất Ái.

2- Bà Bùi Thị Thu Nhi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp** tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 274/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/QĐXXST-DS ngày 29/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 377/2025/QĐST-DS ngày 15/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 248/2025/QĐST-DS ngày 30/9/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 90 ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Nay là phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tuấn: Chị Huỳnh Hoàng Ph, sinh năm 1985. Theo Giấy ủy quyền ngày 30/8/2022 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 117 đường H, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp

2. **Bị đơn:** 1. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1937 (đã chết ngày 15/8/2024).

Địa chỉ: Ấp L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Đoàn Thị T1, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 77 khu phố L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1947 (đã chết ngày 11/02/2013).

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1949 (Xin vắng mặt).

3. Đoàn Văn Tr, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt).

4. Đoàn Thị M, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

5. Đoàn Văn T2, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt).

6. Đoàn Thị N, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt).

7. Đoàn Thị Th, sinh năm 1981 (Xin vắng mặt).

8. Đoàn Văn M1, sinh năm 1984 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 90 khu phố L, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Đoàn Văn T và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Huỳnh Hoàng Ph trình bày:

Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850m², tại địa chỉ ấp L, xã Đ, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) là của hộ gia đình anh Tuấn, cha anh là ông Đoàn Văn B đứng tên đại diện hộ gia đình. Vì vậy Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02089 ngày 20/03/1998 cho hộ ông Đoàn Văn B.

Cha anh là ông Đoàn Văn B đã chết ngày 11/02/2013, gia đình anh thỏa thuận giao cho anh thửa đất nói trên để anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên khi tiến hành đo đạc, cán bộ đo đạc yêu cầu bà Đoàn Thị T và con gái là chị Đoàn Thị T1 ký tên giáp ranh, bà T và chị T1 không đồng ý ký tứ cận mà cho rằng thửa đất này là của gia đình bà T, chị T1. Trong khi đó thửa đất này gia đình anh đã quản lý canh tác từ khi cha anh còn sống và hiện gia đình anh vẫn còn đang quản lý canh tác, sử dụng. Gia đình bà T, chị T1 không có quản lý canh tác sử dụng thửa đất nêu trên.

Do có tranh chấp nên anh Tuấn không làm được thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850m², tại địa chỉ ấp L xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Việc này gây thiệt thòi quyền lợi cho anh Tuấn.

Nay anh Tuấn yêu cầu:

1/ Yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850m², tại địa chỉ ấp L, xã Đ, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) theo đo đạc thực tế diện tích có thể lớn hoặc nhỏ hơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp vì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp đại trà không đo đạc, là của hộ ông Đoàn Văn B.

2/ Buộc bà Đoàn Thị T và chị Đoàn Thị T1 không được có hành vi cản trở gia đình anh Tuấn khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Tuấn.

Tại đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 29/6/2023 anh Tuấn yêu cầu: Xác định thửa đất thửa đất số 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850m², tại địa chỉ ấp L, xã Đ, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) theo đo đạc thực tế diện tích có thể lớn hoặc nhỏ hơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp vì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp đại trà không đo đạc thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ ông Đoàn Văn B.

2/ Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Đoàn Thị T, chị Đoàn Thị T1 trình bày tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 16/11/2023: (Bút lục 120)

Vào năm 1993, gia đình chúng tôi có thỏa thuận miệng với ông Đoàn Văn B là cha của anh Đoàn Văn T, cho phép ông Bé canh tác trên mảnh đất đất ruộng của gia đình chúng tôi diện tích 779m² tại địa chỉ ấp L, xã Đ, thành phố

M, tỉnh Tiền Giang, trong thời hạn là 02 năm, hàng năm đóng cho chúng tôi 100kg lúa khô, sau khi hết thời hạn canh tác thì ông Đoàn Văn B không giao trả đất lại cho gia đình chúng tôi mà tiếp tục chiếm dụng canh tác, gia đình chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu ông Bé trả lại phần đất trên, nhưng ông Bé không giao trả, nên gia đình chúng tôi đã nhiều lần nộp đơn đến địa chính và Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2013 ông Bé chết, con ông là Đoàn Văn T tiếp tục chiếm dụng canh tác cho đến nay. Gia đình chúng tôi đã yêu cầu ông Tuấn giao trả phần đất trên nhưng ông Tuấn vẫn chiếm dụng cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Tuấn thì chúng tôi không đồng ý, vì đây là phần đất thuộc quyền sở hữu của chúng tôi.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị B, chị Đoàn Thị N, Đoàn Thị Th, anh Đoàn Văn M1, anh Đoàn Văn T2, anh Đoàn Văn Tr có các bản tự khai đề ngày 17/11/2022, thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Đoàn Văn T.

+ Yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850m², tại địa chỉ L, xã Đ, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang) theo đo đạc thực tế diện tích có thể lớn hoặc nhỏ hơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp vì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp đại trà không đo đạc, là của hộ ông Đoàn Văn B.

+ Buộc bà Đoàn Thị T và chị Đoàn Thị T1 không được có hành vi cản trở gia đình anh Tuấn khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Tuấn.

- Chị Đoàn Thị M đã được Toàn án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng chị vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn T.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của anh Tuấn là chị Phương trình bày:

- Ngày 01/02/2023 anh Đoàn Văn T có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Đoàn Thị T và chị Đoàn Thị T1 chấm dứt hành vi cản trở gia đình anh Tuấn khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Tuấn; chỉ yêu cầu công nhận **thửa đất** số 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850m² (nay là thửa 12, tờ bản đồ 44, diện tích theo sơ đồ địa chính là 779m² là của hộ ông Đoàn Văn B. (Bút lục 67).

- Ngày 19/10/2023, anh Đoàn Văn T có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu **xác định thửa đất** số 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850m² (nay là thửa 12, tờ bản đồ 44, diện tích theo sơ đồ địa chính là 779m²), tại địa chỉ L, xã L1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp L phường Đ, tỉnh Đồng Tháp) theo đo đạc thực tế diện tích có thể lớn hoặc nhỏ hơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp vì khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp đại trà không đo đạc thuộc quyền sở hữu hợp pháp của hộ ông Đoàn Văn B (Bút lục 90).

- Ngày 28/8/2025 anh Đoàn Văn T có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Đoàn Thị T. Chỉ khởi kiện chị Đoàn Thị T1, yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 45, tờ bản đồ 757, diện tích 850m² nay là thửa 12, tờ 44, diện tích 657,5m² loại đất CLN theo phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Mỹ Tho (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Khu vực 1) ngày 26/6/2025, địa chỉ ấp L phường Đ, tỉnh Đồng Tháp là của hộ ông Đoàn Văn B (Bút lục 208).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 165, 166 của Bộ luật Dân sự; Luật Đất đai, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định hộ ông Đoàn Văn B có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850 m² tại địa chỉ ấp L, xã L1, huyện Ch tỉnh Tiền Giang (nay là thửa 12, tờ bản đồ số 44, diện tích 654,8 m², tọa lạc tại khu phố L phường Đ, tỉnh Đồng Tháp).

+ Đình chỉ đối với buộc bà Đoàn Thị T1, ông Đoàn Văn T không được có hành vi cản trở gia đình anh Đoàn Văn T khi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Tuấn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Quyền sử dụng đất” được quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Tháp.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị B, chị Đoàn Thị N, Đoàn Thị Th, anh Đoàn Văn M1, Đoàn Văn T2, Đoàn Văn Tr có đơn xin vắng mặt; Bị đơn chị Đoàn Thị T1 vắng mặt không lý do; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đoàn Thị Trè vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của anh Đoàn Văn T là chị Huỳnh Hoàng Ph trình bày: Anh Tuấn xin rút yêu cầu bà T, chị T1 về việc chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sử dụng đất, rút yêu cầu khởi kiện đối với bà T, chỉ khởi kiện yêu cầu chị T1 về việc xác định diện tích thửa đất 12 tờ bản đồ 44 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Đoàn Văn B.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hộ ông Đoàn Văn B đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02089 QSDĐ/163/QĐUB ngày 20/3/1998 thửa 45, tờ bản đồ 757, diện tích 850m².

Phía nguyên đơn cho rằng ông Bé đã chết, nay vợ ông Bé là bà Nguyễn Thị B và các con của ông Bé, làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng sang qua tên anh Đoàn Văn T thì phía bị đơn bà T, chị T1 không ký giáp ranh, nên xảy ra tranh chấp. Bà Đoàn Thị T đã chết, nay nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện với bà T, nên không cần thiết đưa những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà T tham gia tố tụng, rút yêu cầu bà T, chị T1 chấm dứt hành vi nguyên đơn thực hiện quyền sử dụng đất, nguyên đơn chỉ yêu cầu xác định diện tích S1 + S2 theo phiếu đo đạc ngày 26/6/20025 thuộc quyền sử dụng của hộ ông Đoàn Văn B.

- Xét thấy, nguyên đơn đã rút yêu cầu bà T, chị T1 chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn thực hiện quyền sử dụng đất, rút yêu cầu khởi kiện đối với bà T (hiện bà T đã chết). Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn chị Đoàn Thị T1 vắng mặt; trong quá trình tố tụng chị T1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu xác định thửa đất 12 là của hộ ông Bé, chị T1 cho rằng thửa đất 45, tờ 757 (nay là thửa 12, tờ bản đồ 44) là của gia đình chị T1, trước đây gia đình chị cho ông Bé canh tác, đong lúa, sau đó có yêu cầu trả lại nhưng gia đình ông Bé không trả gia đình chị có thưa ra Ủy ban nhân dân xã Lương Hòa Lạc nhưng chưa được giải quyết, gia đình chị chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất này, việc gia đình ông Bé đi kê khai được cấp giấy đất gia đình chị không hay biết, nhưng chị không có chứng cứ chứng minh thửa đất 12 là của gia đình chị, chị cũng không có chứng cứ chứng minh việc cho ông Bé canh tác thửa đất trên và đong lúa cho gia đình chị. Chị chỉ có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 11, diện tích 1.298,1m² giáp ranh với thửa đất 12 đang tranh chấp.

Theo văn bản số 1426/CNVPĐKĐ Đ-ĐKCGCN-LT ngày 03/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Mỹ Tho thể hiện thửa đất 45, tờ bản đồ 757 chuyển sang bản đồ chính quy là số thửa 12, tờ bản đồ số 44.

Theo giấy đất được cấp thửa 45, tờ bản đồ số 757, diện tích 850m², nay đo đạc thực tế diện tích S1 là 623,4m² và S2 diện tích 34,1m², tổng cộng 657,5m², theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 26/6/2025, giảm 192,5m² do bản đồ tỉ lệ 1/5000 tính sai diện tích, ranh giới sử dụng ổn định.

Đối với diện tích đất tranh chấp, theo phiếu đo đạc thì anh Tuấn xác định ranh là diện tích S1, chị T1 xác định là S1 và S2. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Phương đại diện cho anh Tuấn cho rằng do anh Tuấn không nhớ rõ, nay xác định lại S1 và S2 là thuộc thửa 12, yêu cầu Tòa án xác định diện tích S1 + S2 là của hộ ông Đoàn Văn B.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu xác định diện tích S1 + S2, tổng cộng 657,5m² theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 26/6/2025, Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 22/7/2024 của Công ty TNHH Tài Nguyên và Môi trường Incom, có tứ cận: Đông giáp thửa số 11; Tây giáp thửa đất số 1; Nam giáp thửa đất số 13; Bắc giáp thửa đất số 2 là của hộ ông Đoàn Văn B là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng cho việc đo đạc là 5.149.000 đồng; chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 13.300.000 đồng. Tổng cộng là 18.449.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị Đoàn Thị T1 phải chịu chi phí này. Anh Đoàn Văn T đã nộp 18.449.000 đồng nên chị T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Tuấn số tiền trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 157, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 166, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn T về việc yêu cầu bà Đoàn Thị T, chị Đoàn Thị T1 chấm dứt hành vi cản trở gia đình anh thực hiện quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Tuấn về việc khởi kiện bà Đoàn Thị T về việc xác định thửa đất số 12 là của hộ ông Đoàn Văn Tám.

3. Chấp nhận yêu cầu thay đổi, bổ sung khởi kiện của anh Đoàn Văn T về việc xác định thửa đất 12, tờ 44, S1 + S2 diện tích 657,5m², tọa lạc ấp L phường Đ, tỉnh Đồng Tháp là của hộ ông Đoàn Văn B, có tứ cận: Đông giáp thửa đất số 11; Tây giáp thửa đất số 1; Nam giáp thửa đất số 13; Bắc giáp thửa đất số 2.

(Kèm theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 26/6/2025, Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 22/7/2024 của Công ty TNHH Tài Nguyên và Môi trường Incom).

Đương sự (hộ ông Đoàn Văn B) được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng cho việc đo đạc là 5.149.000 đồng; chi phí cho việc thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài

sản là 13.300.000 đồng. Tổng cộng là 18.449.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị Đoàn Thị T1 phải chịu chi phí này. Anh Đoàn Văn T đã nộp 18.449.000 đồng nên chị T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Tuấn số tiền trên.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đoàn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho anh Đoàn Văn T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022761 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp).

6. Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1-Dồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Lệ Thương